

Một số gợi ý và đề xuất

Theo thông lệ quốc tế, các NHTM lớn trên thế giới đều có ủy ban quản lý tài sản Nợ, ủy ban tài sản Có, với các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị điều hành của ngân hàng. Kèm theo đó, trong tổ chức, trong điều hành các NHTM hình thành hai bộ phận tương đối rõ ràng, đó là Front office, chuyên giao dịch trực tiếp với khách hàng; bộ phận Back office chuyên làm nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và hậu cần phục vụ. Trong điều hành, cũng phân định rõ trách nhiệm, ví dụ tại chi nhánh có giám đốc điều hành, giám đốc nhân sự, giám đốc tài chính, giám đốc kinh doanh. Phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng người. Ở nước ta, một số NHTM cổ phần đang thí điểm mô hình này. Do đó, đây là một thông lệ quốc tế

mà các NHTM nên tham khảo trong quá trình hoàn thiện công tác quản trị điều hành theo xu hướng hội nhập.

Sở tay tín dụng do WB tài trợ và được biên soạn theo thông lệ quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng cần được thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam. Nếu máy móc và cứng nhắc sẽ trở nên kém hiệu quả, khi mà vốn hoạt động của các doanh nghiệp và hộ kinh doanh phần lớn phải vay ngân hàng, chủ doanh nghiệp và hộ kinh doanh trưởng thành từ thực tiễn, môi trường pháp lý đang trong quá trình hoàn thiện.

Hội đồng tín dụng tại các chi nhánh NHTM, nhất là chi nhánh NHTM NN cần bảo đảm thực chất hơn. Tại một số chi nhánh NHTM NN, Hội đồng tín dụng còn mang tính hình thức, quyết định cho vay đều do giám đốc, hoặc cán bộ chuyên môn, phòng chuyên môn

không có bản lĩnh bảo vệ quan điểm của mình.

NHNN phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện và phát triển thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc, đấu thầu trái phiếu Chính phủ. NHNN cần phát triển và nâng cấp thị trường tiền tệ. Với sự phát triển phù hợp với thông lệ quốc tế của các thị trường này sẽ tạo điều kiện cho việc quản trị vốn trong nghiệp vụ tài sản Nợ của các NHTM trở nên linh hoạt và hiệu quả hơn; việc quản trị tài sản Có trở nên đa dạng, phân tán được rủi ro nhiều hơn.

Hệ thống kiểm soát nội bộ của các NHTM nên được tổ chức lại sao cho có tính độc lập với giám đốc chi nhánh, nên hình thành một hệ thống từ hội sở chính đến các chi nhánh. Hội đồng tín dụng tại các chi nhánh NHTM cũng cần đảm bảo thực chất hơn.■

Tăng cường thông tin tín dụng hỗ trợ việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế về đánh giá, phân loại nợ của các tổ chức tín dụng

ThS. Bùi Thị Loan *

Trong xu thế toàn cầu hoá hiện nay, vấn đề hội nhập quốc tế là tất yếu khách quan đối với các quốc gia trên thế giới. Hội nhập quốc tế bên cạnh những thách thức to lớn lại tạo ra cơ hội phát triển và áp dụng những tiến bộ của nhân loại trên toàn thế giới. Trong xu thế ấy, hệ thống tài chính nói chung và hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam nói riêng không chỉ là huyết

mạch của nền kinh tế quốc dân mà còn mang trong mình vận hội vươn rộng ra khu vực và thế giới. Đó cũng chính là yêu cầu đòi hỏi mỗi ngân hàng phải nâng cao năng lực tài chính, nâng cao sức cạnh tranh, nâng cao chuẩn hoá hoạt động bằng các chuẩn mực quốc tế, chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ.

Một trong những chuẩn mực quan trọng trong hoạt động ngân hàng hiện nay là đánh giá phân loại nợ căn cứ vào mức độ rủi ro, trên cơ sở đó đánh giá và phân loại tổ chức tín dụng, cũng như áp dụng các chính sách dự phòng phù hợp.

Ngày 22/4/2005, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ban hành

* Trung tâm Thông tin Tín dụng - NHNN

Quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng (gọi tắt là Quy định 493). Theo Điều 6 khoản 1 Quy định 493, tổ chức tín dụng (TCTD) phân loại nợ thành 5 nhóm: (1) Nhóm 1 là nợ đủ tiêu chuẩn gồm những khoản nợ trong hạn mà TCTD đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng thời hạn; (2) Nhóm 2 là nợ cần chú ý gồm: các khoản nợ dưới 90 ngày, các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ trong hạn theo thời hạn nợ đã cơ cấu lại; trường hợp mà khách hàng trả nợ đầy đủ nợ gốc và lãi theo kỳ hạn đã được cơ cấu lại tối thiểu trong vòng một năm đối với các khoản nợ trung và dài hạn, ba tháng đối với các khoản nợ ngắn hạn thì TCTD có thể phân loại khoản nợ đó vào khoản 1; (3) Nhóm 3 là nợ dưới tiêu chuẩn gồm các khoản nợ quá hạn từ 90 đến 180 ngày; Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại; (4) Nhóm 4 là nợ có nghi ngờ gồm: các khoản nợ quá hạn từ 180 ngày đến 360 ngày, các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn từ 90 ngày đến 180 ngày theo thời hạn đã cơ cấu lại; (5) Nhóm 5 là nợ có khả năng mất vốn gồm: các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày, các khoản nợ khoanh chờ Chính phủ xử lý, các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn trên 180 ngày theo thời hạn đã được cơ cấu lại.

Các tiêu chí phân loại nợ này là khá rõ ràng. Tuy nhiên, chính cách tiếp cận đánh giá khác nhau nên chúng ta đã có những đánh giá rất khác nhau về chất lượng dư nợ, dẫn đến có những ứng xử rất khác nhau trong các hoạt động quản lý và kinh doanh trong

lĩnh vực ngân hàng. Điều này đặc biệt gây khó khăn cho việc chuyển hoạt động quản lý, giám sát tuân thủ nghiệp vụ sang quản lý, giám sát theo biến động rủi ro.

Ở đây chúng tôi xin đi sâu vào một trong những tiêu chí đặt ra trong quá trình đánh giá, phân loại nợ của các TCTD đối với những khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với mình và đối với các TCTD khác. Tiêu chí này đặt ra yêu cầu là nếu một khách hàng tại một TCTD có bất kỳ khoản nợ nào được xếp (bị chuyển sang) vào nhóm nợ rủi ro cao hơn thì TCTD đó bắt buộc phải phân loại khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào các nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro. Điều này có thể nói khác đi là đối với mỗi một khách hàng tại một TCTD chỉ có một loại rủi ro. Việc làm này là rất cần thiết, giúp các TCTD xác định được từng loại rủi ro có thể xảy ra tổn thất trong hoạt động kinh doanh của đơn vị mình và trên cơ sở đó, xây dựng một phương án dự phòng rủi ro phù hợp.

Vấn đề phức tạp hiện nay trong đánh giá nợ là có nhiều trường hợp khách hàng vay vốn tại nhiều TCTD. Trong trường hợp, này mối quan hệ trong đánh giá các khoản vay nợ sẽ như thế nào: Có đặt ra không? Nếu đặt ra, sẽ thực hiện như thế nào? Đây chính là một trong những vấn đề còn bỏ ngỏ hiện nay. Ở đây, theo chúng tôi cần phải giải quyết những vấn đề sau đây:

Thứ nhất, trong các quy định hiện hành (trực tiếp là Quy định số 493) chưa đề cập đến mối quan hệ này. Đó là điều chưa hợp lý, bởi cách tiếp cận đánh giá chất lượng nợ hiện nay nhằm vào chất lượng (rủi ro) hoạt động của khách hàng. Do đó, không thể có và không được phép tồn tại

trường hợp cùng một khách hàng, mà các khoản vay của họ ở các TCTD khác nhau lại được đánh giá khác nhau. Đây cũng chính là sự thiếu hụt cơ sở pháp lý cho việc đánh giá, phân loại nợ của khách hàng trong trường hợp họ vay tại nhiều TCTD.

Thứ hai, nếu mối quan hệ này được thiết lập thì phải có cơ sở và điều kiện để thực hiện. Tự các TCTD khó có thể có được đầy đủ và chính xác thông tin về quan hệ của khách hàng của mình với các chủ nợ khác. Hơn nữa, sự phối hợp, cung cấp thông tin để đánh giá nợ giữa các TCTD với nhau là rất khó khăn với nhiều lý do, (kể cả trường hợp họ tự đánh giá, kể cả trường hợp được NHNN đánh giá). Dù thế nào thì cũng cần phải có đủ điều kiện thông tin để thực hiện được sự “đánh giá liên ngân hàng” này.

Thứ ba, việc cung cấp thông tin đáp ứng yêu cầu cho việc đánh giá nợ trong trường hợp “đánh giá liên ngân hàng” này, nên chăng phải do một tổ chức có “vai trò trung gian” làm đầu mối thực hiện. Thích hợp nhất cho hoạt động này có lẽ là Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) – tổ chức hội tụ khá đầy đủ các điều kiện cần thiết.

Mục tiêu hoạt động của CIC là giúp các TCTD phòng ngừa và hạn chế đến mức thấp nhất những khả năng rủi ro trong kinh doanh, góp phần xây dựng một hệ thống ngân hàng phát triển bền vững. Để đáp ứng được yêu cầu đã nêu ở trên, những vấn đề đặt ra cho CIC bao gồm:

Một là, CIC phải cập nhật được sự phân loại khách hàng theo từng khoản nợ, đánh giá theo từng nhóm nợ của khách hàng. Yêu cầu đặt ra khá cao và bắt buộc là các TCTD phải chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo

thông tin cho CIC. Nếu thông tin về khách hàng không được cập nhật thường xuyên, số liệu phân tích không kịp thời thì tính pháp lý cũng như giá trị của thông tin do CIC cung cấp ra sẽ không đáp ứng được yêu cầu của sự đánh giá. Do vậy, để đáp ứng yêu cầu xử lý thông tin do các TCTD báo cáo cũng như quá trình tổng hợp và quản trị kho dữ liệu, cung cấp thông tin, CIC cần phải có năng lực đủ mạnh. CIC cần phải chuẩn hoá các quy trình nghiệp vụ, áp dụng chương trình tự động xử lý dữ liệu. Các cơ quan giám sát, đánh giá và các TCTD phải tham gia vào mạng của CIC và khai thác thông tin để đưa ra đánh giá nợ chính xác và kịp thời.

Tại Việt Nam, chỉ có CIC mới có đầy đủ nhất số liệu của các khách hàng trên toàn quốc (kho dữ liệu của CIC đến nay thu thập được hơn một triệu hồ sơ khách hàng và khoảng 70% dư nợ cho vay của nền kinh tế), ngoài ra, CIC còn quan hệ với các hãng thông tin quốc tế (như D&B của Mỹ) chuyên thu thập và cung cấp thông tin trên toàn thế giới.

Hai là, ngoài việc cung cấp thông tin tác nghiệp cho các TCTD, CIC phải được giao nhiệm vụ thực hiện hỗ trợ các tổ chức, đơn vị có chức năng và nhiệm vụ phân loại, đánh giá các khoản nợ của các khách hàng của TCTD. Trong trường hợp cần thiết, CIC cũng phải được các đơn vị giám sát đánh giá chất lượng nợ của các TCTD cung cấp thông tin về sự đánh giá các khoản nợ của các khách hàng. CIC phải được quyền cung cấp kết quả đánh giá phân loại nợ của TCTD, của đơn vị giám sát có chức năng đánh giá nợ cho các TCTD. Các đơn vị và TCTD được đáp ứng yêu cầu thông tin về khách hàng vay nợ tại CIC và những thông tin này

giúp cho các đơn vị và TCTD có được cách nhìn toàn diện về tình hình dư nợ của các khách hàng, có điều kiện để thực hiện việc đánh giá nợ một cách chính xác.

Ba là, đòi hỏi khách quan đối với CIC đó là độ chuẩn xác và giá trị pháp lý của thông tin về các loại nợ của một khách hàng vay tại nhiều TCTD (từng loại nợ được đánh giá phân loại theo từng TCTD và có thể được đánh giá bởi đơn vị giám sát, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước). Những thông tin do CIC cung cấp ra đòi hỏi phải phản ánh trung thực, khách quan và đặc biệt phải đảm bảo tính thời gian. Nếu thông tin của CIC không được cập nhật thường xuyên, thì thông tin đó sẽ sai lệch, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của khách hàng.

Có lẽ sự hỗ trợ của CIC để có được một cách đánh giá đúng đắn (chính xác) về chất lượng nợ của khách hàng cũng giới hạn bởi cung cấp thông tin về sự đánh giá nợ. Trong giới hạn này, trách nhiệm pháp lý của CIC cũng được nâng lên một bước và phải có các quy định có liên quan để ràng buộc trách nhiệm của các TCTD cung cấp thông tin về các khoản nợ (bao gồm cả thông tin về đánh giá nợ), trách nhiệm của CIC trong việc bảo mật và cung cấp có hệ thống và có trách nhiệm các thông tin này cho các TCTD tự đánh giá và cho các cơ quan giám sát tài chính để đánh giá nợ.

Đạt được sự thống nhất đánh giá (cùng loại nhóm nợ) các khoản nợ của các TCTD đối với cùng một khách hàng là điều lý tưởng. Tuy nhiên, trong thực tế sẽ luôn tồn tại khoảng cách (mỗi khoản nợ của một khách hàng ở các TCTD khác nhau được đánh giá theo các nhóm khác nhau), cần phải thống nhất trở lại. Trên cơ sở thông tin hỗ trợ của CIC có

thể có được sự chênh lệch đánh giá (nếu có) các khoản nợ của từng khách hàng tại các TCTD (theo kết quả tự đánh giá của TCTD hoặc theo kết quả đánh giá của đơn vị chức năng giám sát đánh giá nợ của Nhà nước). Do đó, vấn đề quan trọng tiếp theo chính là sự điều phối các kết quả đánh giá, điều tiết và điều chỉnh các kết quả đánh giá nợ: ai điều phối, điều tiết và điều chỉnh như thế nào. Vấn đề này cần được tiếp tục nghiên cứu.

Như vậy, chúng ta có thể đưa ra một số điểm quan trọng sau đây:

Thứ nhất, để áp dụng được các chuẩn mực quốc tế về đánh giá nợ của các TCTD, cần phải có sự phối hợp đánh giá và cần phải chú trọng thông tin tin dụng. Thông tin đánh giá nợ giúp các tổ chức, đơn vị đánh giá nợ có cơ sở đánh giá chính xác hơn về nợ cũng như rủi ro của các khoản nợ của một khách hàng tại các TCTD khác nhau. CIC cần phải trở thành một địa chỉ tin cậy cung cấp các thông tin phục vụ cho mục đích này.

Thứ hai, cần có những quy định về cơ chế đánh giá các loại nợ của một khách hàng tại các TCTD khác nhau. Về phần mình, CIC cần phải tăng cường tính pháp lý, chính xác và tính kịp thời của thông tin, đặc biệt là những thông tin đánh giá nợ.

Thứ ba, cần xác định đúng vị trí của CIC với những nhiệm vụ có liên quan đến yêu cầu đánh giá, phân loại nợ của các TCTD chính xác theo chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư, cần tăng cường hơn nữa vai trò của CIC trong điều kiện hiện nay, tăng cường năng lực cho CIC cả về điều kiện vật chất kỹ thuật, cũng như con người. ■